

KẾT QUẢ THI NGHỀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HỘI ĐỒNG 19: THPT PHƯỚC KIỂN

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
1	202686	1	Đỗ Thúy An	27	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.75	8	8.0	Khá
2	202687	1	Nguyễn Huỳnh Xuân An	08	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.25	8	7.5	Khá
3	202688	1	Nguyễn Thị Thúy An	06	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.5	8	7.5	Khá
4	202689	1	Nguyễn Thị Thúy An	15	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	v	v		
5	202690	1	Đặng Thị Lan Anh	05	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.75	9	8.5	Khá
6	202691	1	Đặng Tuấn Anh	04	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	2.5	8	6.5	Hồng
7	202692	1	Trần Thái Anh	20	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	2.25	7	6.0	Hồng
8	202693	1	Nguyễn Ngọc Phương Ánh	05	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.5	8	7.5	Khá
9	202694	1	Đình Nguyễn Hồng Ân	01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.75	7	6.5	Tbình
10	202695	1	Nguyễn Hoàng Ân	22	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	5	8.5	7.5	Khá
11	202696	1	Mai Hoài Bảo	27	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.25	6	6.0	Tbình
12	202697	1	Nguyễn Chí Bảo	07	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	7	10	9.5	Giỏi
13	202698	1	Nguyễn Hoàng Bảo	27	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.5	9	8.0	Tbình
14	202699	1	Nguyễn Quốc Bảo	19	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.25	10	9.0	Giỏi
15	202700	1	Võ Thanh Bân	20	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.75	9	8.0	Khá
16	202701	1	Nguyễn Thái Bình	23	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.25	8	7.0	Tbình
17	202702	1	Phan Tuấn Cảnh	01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.5	8	7.0	Tbình
18	202703	1	Đỗ Nguyễn Thái Châu	22	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.25	7	6.5	Tbình
19	202704	1	Trần Mĩ Minh Châu	01	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.5	7.5	7.5	Khá
20	202705	1	Võ Hoàn Châu	28	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	2.75	7	6.0	Hồng
21	202706	1	Lê Thị Kim Chi	30	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5	9	8.0	Khá
22	202707	1	Trương Thị Mỹ Chi	15	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.5	7	6.5	Tbình
23	202708	1	Phùng Văn Chiến	06	12	2000	Thanh Hóa	Long Thới	Điện	7	9	8.5	Khá
24	202709	1	Võ Minh Chiêu	23	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5	9	8.0	Khá
25	202710	1	Trà Bảo Danh	26	08	2000	Bình Định	Long Thới	Điện	6.5	10	9.0	Giỏi
26	202711	1	Nguyễn Hồng Diễm	13	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6	8	7.5	Khá
27	202712	1	Nguyễn Thị Bích Diễm	31	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.5	9	8.0	Tbình
28	202713	1	Nguyễn Đào Mỹ Diệu	23	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	2.75	6	5.0	Hồng
29	202714	2	Nguyễn Anh Du	27	09	2000	Bến Tre	Phước Kiển	Điện	v	v		

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
30	202715	2	Ngô Tấn Dũng	18	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4	9.5	8.0	Tbình
31	202716	2	Huỳnh Nhựt Duy	07	06	2000	Đồng Tháp	Dương Văn Dương	Điện	3	7	6.0	Tbình
32	202717	2	Lê Quang Duy	29	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	7.75	9	8.5	Khá
33	202718	2	Lý Hoàng Mỹ Duyên	09	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.5	9.5	9.0	Giỏi
34	202719	2	Nguyễn Thị Minh Duyên	26	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	8.5	10	9.5	Giỏi
35	202720	2	Trần Mỹ Duyên	02	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	v	v		
36	202721	2	Trần Thị Hồng Duyên	01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.25	8	7.5	Khá
37	202722	2	Đinh Thị Thùy Dương	12	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4	8	7.0	Tbình
38	202723	2	Lê Ánh Dương	28	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.5	8	7.5	Khá
39	202724	2	Nguyễn Văn Dương	01	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	7	9	8.5	Khá
40	202725	2	Nguyễn Duy Đại	11	09	2000	Hòa Bình	Dương Văn Dương	Điện	6.5	8	7.5	Khá
41	202726	2	Nguyễn Lam Đan	30	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.25	9	8.0	Tbình
42	202727	2	Phạm Thị Ngọc Đào	17	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.5	7.5	7.0	Khá
43	202728	2	Võ Hồng Đào	18	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.75	10	9.5	Giỏi
44	202729	2	Nguyễn Tấn Đạt	20	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.5	8	7.5	Khá
45	202730	2	Nguyễn Võ Thành Đạt	01	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.75	9.5	9.0	Giỏi
46	202731	2	Phù Tấn Đạt	01	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	v	v		
47	202732	2	Từ Lê Tấn Đạt	19	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.25	8	7.0	Tbình
48	202733	2	Huỳnh Phương Đông	29	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.25	6	5.5	Tbình
49	202734	2	Nguyễn Văn Đủ	19	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.5	9	8.5	Khá
50	202735	2	Lê Huỳnh Đức	04	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	3.25	v		
51	202736	2	Ngô Văn Đức	21	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.5	8	8.0	Khá
52	202737	2	Nguyễn Minh Đức	03	05	2000	Thanh Hóa	Dương Văn Dương	Điện	3.75	7	6.0	Tbình
53	202738	2	Trần Hữu Đức	04	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.5	9	8.0	Tbình
54	202739	2	Nguyễn Thị Hồng Gấm	04	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	3.75	9	7.5	Tbình
55	202740	2	Huỳnh Nhật Hào	23	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.75	9	8.5	Khá
56	202741	2	Trương Nhật Hào	11	10	2000	Bình Thuận	Phước Kiển	Điện	3.75	8	7.0	Tbình
57	202742	3	Nguyễn Phước Hào	18	01	2000	Long An	Long Thới	Điện	3.5	10	8.5	Tbình
58	202743	3	Nguyễn Thị Tố Hào	27	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7	8	8.0	Khá
59	202744	3	Nguyễn Thị Thanh Hằng	26	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.25	7	6.5	Tbình
60	202745	3	Phạm Thuý Hằng	16	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	1.75	10	8.0	Hồng
61	202746	3	Huỳnh Thị Mỹ Hân	18	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.75	9	8.5	Khá
62	202747	3	Phan Ngọc Cẩm Hân	06	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.25	10	8.5	Tbình
63	202748	3	Nguyễn Thanh Hậu	07	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.75	7	7.0	Khá
64	202749	3	Trần Thanh Hậu	25	01	2000	Đồng Tháp	Dương Văn Dương	Điện	6.5	9	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
65	202750	3	Vũ Quang	Hiền	10	09	2000	Hưng Yên	Long Thới	Điện	7	9	8.5	Khá
66	202751	3	Phạm Nguyễn Thu	Hiền	10	08	2000	Bình Thuận	Phước Kiển	Điện	8.5	10	9.5	Giỏi
67	202752	3	Phạm Thị Diệu	Hiền	23	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.25	9	8.0	Tbình
68	202753	3	Phạm Thị Thu	Hiền	17	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	3	10	8.5	Tbình
69	202754	3	Trần Thanh	Hiền	20	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.25	10	9.0	Giỏi
70	202755	3	Võ Thị Thu	Hiền	13	03	1999	Đồng Nai	Dương Văn Dương	Điện	5.5	9	8.0	Khá
71	202756	3	Đặng Trọng	Hiệp	02	02	2000	Long An	Long Thới	Điện	6	7	7.0	Khá
72	202757	3	Phùng Thanh	Hiệp	28	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5	9	8.0	Khá
73	202758	3	Trương Minh	Hiệp	16	06	2000	Long An	Long Thới	Điện	7.75	6	6.5	Tbình
74	202759	3	Đàm Văn Minh	Hiếu	08	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.75	9	8.5	Khá
75	202760	3	Đặng Quốc	Hiếu	02	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	v	v		
76	202761	3	Hoàng Thị Ngọc	Hiếu	14	12	1999	Quảng Trị	Dương Văn Dương	Điện	6	10	9.0	Giỏi
77	202762	3	Nguyễn Minh	Hiếu	04	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	5.75	8	7.5	Khá
78	202763	3	Nguyễn Quốc	Hiếu	13	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.5	7	6.5	Tbình
79	202764	3	Nguyễn Thanh	Hiếu	19	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	3.5	9	7.5	Tbình
80	202765	3	Nguyễn Trung	Hiếu	08	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	2.75	6	5.0	Hổng
81	202766	3	Trần Ngọc Minh	Hiếu	19	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	8	8	8.0	Khá
82	202767	3	Trần Trung	Hiếu	16	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.5	9	8.5	Khá
83	202768	3	Trịnh Minh	Hiếu	28	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.75	v		
84	202769	3	Võ Thị Thu	Hoa	07	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.75	10	8.5	Tbình
85	202770	4	Bùi Thanh	Hoài	21	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.5	6	5.5	Tbình
86	202771	4	Lê Thị	Hoài	11	03	2000	Thanh Hóa	Long Thới	Điện	6.75	9	8.5	Khá
87	202772	4	Nguyễn Ngọc Phước	Hoàn	08	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.5	10	9.0	Giỏi
88	202773	4	Bùi Văn	Hoàng	28	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	2	7	6.0	Hổng
89	202774	4	Nguyễn Huy	Hoàng	22	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.25	9.5	8.5	Khá
90	202775	4	Ngô Thị Gia	Huệ	02	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4	7	6.5	Tbình
91	202776	4	Trần Thanh	Hùng	23	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6	7	7.0	Khá
92	202777	4	Bùi Anh	Huy	24	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	3.5	5	4.5	Hổng
93	202778	4	Đỗ Hùng	Huy	16	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.75	9.5	9.0	Giỏi
94	202779	4	Lê Gia	Huy	01	01	2000	Cần Thơ	Phước Kiển	Điện	v	v		
95	202780	4	Lê Hữu	Huy	24	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	8.25	9.5	9.0	Giỏi
96	202781	4	Lê Minh	Huy	21	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.25	7	6.5	Tbình
97	202782	4	Lê Quốc	Huy	22	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	3.75	7	6.0	Tbình
98	202783	4	Nguyễn Thanh	Huy	07	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	3.25	10	8.5	Tbình
99	202784	4	Phạm Đức	Huy	08	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.5	10	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
100	202785	4	Phạm Nguyễn Quang	Huy	29	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.25	6	5.5	Tbình
101	202786	4	Trần Vĩnh	Huy	08	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Điện	4.5	8	7.0	Tbình
102	202787	4	Trần Vương Quốc	Huy	17	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Điện	2.5	6	5.0	Hỏng
103	202788	4	Đoàn Thanh	Huyền	07	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.25	10	9.5	Giỏi
104	202789	4	Nguyễn Mỹ	Huyền	26	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Điện	3	8.5	7.0	Tbình
105	202790	4	Nguyễn Văn	Hưng	03	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	3.5	7	6.0	Tbình
106	202791	4	Phạm Nguyễn Bình	Hưng	05	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.5	9	8.5	Khá
107	202792	4	Phạm Văn	Hưng	18	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.5	10	9.0	Giỏi
108	202793	4	Hồ Thị	Hương	30	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.5	6.5	6.5	Tbình
109	202794	4	Lê Võ Quỳnh	Hương	09	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.25	7	7.0	Khá
110	202795	4	Nguyễn Trọng	Hữu	30	08	2000	Long An	Long Thới	Điện	4	8	7.0	Tbình
111	202796	4	Lương Vĩnh	Khang	25	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.25	9	8.5	Khá
112	202797	4	Nguyễn Quốc	Khang	26	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	7.5	10	9.5	Giỏi
113	202798	5	Bùi Nguyễn Trọng	Khanh	31	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.25	7	7.0	Khá
114	202799	5	Hồ Duy	Khánh	16	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5	7	6.5	Tbình
115	202800	5	Huỳnh Minh	Khánh	28	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7	10	9.5	Giỏi
116	202801	5	Mai Trường	Khánh	31	05	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Điện	4.75	9	8.0	Tbình
117	202802	5	Nguyễn Văn	Khánh	09	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5	10	9.0	Giỏi
118	202803	5	Phạm Hồng Gia	Khánh	29	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	3.75	10	8.5	Tbình
119	202804	5	Bùi Trí	Khoa	20	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4	8	7.0	Tbình
120	202805	5	Trương Minh	Khôi	28	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.5	10	8.5	Tbình
121	202806	5	Trần Tuấn	Kiệt	15	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.5	7	7.0	Khá
122	202807	5	Lê Thị Hoàng	Kim	17	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Điện	3	7	6.0	Tbình
123	202808	5	Tổng Duy	Lai	29	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Điện	5.5	7	6.5	Tbình
124	202809	5	Nguyễn Huỳnh Mạnh	Lâm	19	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.5	7	6.5	Tbình
125	202810	5	Nguyễn Hoàng	Lâm	30	04	2000	Long An	Long Thới	Điện	5.75	8	7.5	Khá
126	202811	5	Võ Tiến	Lâm	19	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Điện	3	8	7.0	Tbình
127	202812	5	Trần Thanh	Liêm	13	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	3.25	8.5	7.0	Tbình
128	202813	5	Ngô Thị Mộng	Liên	04	03	2000	Bến Tre	Long Thới	Điện	5.75	9.5	8.5	Khá
129	202814	5	Đoàn Thị Yến	Linh	19	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	8	10	9.5	Giỏi
130	202815	5	Nguyễn Kim	Linh	09	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.5	9.5	8.5	Khá
131	202816	5	Nguyễn Thị Thùy	Linh	31	01	2000	Thái Bình	Phước Kiên	Điện	3.5	10	8.5	Tbình
132	202817	5	Nguyễn Mai	Loan	18	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	7.5	10	9.5	Giỏi
133	202818	5	Dương Phạm Hoàng	Long	07	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.25	7	6.5	Tbình
134	202819	5	Đoàn Anh	Long	28	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5	9	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
135	202820	5	Lê Thiên	Long	20	11	2000	Kiên Giang	Long Thới	Điện	4	8.5	7.5	Tbình
136	202821	5	Trần Ngọc	Lợi	25	12	1999	Sa Đéc	Dương Văn Dương	Điện	v	v		
137	202822	5	Nguyễn Minh	Luân	25	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.75	10	9.5	Giỏi
138	202823	5	Đặng Thị Thu	Mai	05	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.5	9.5	9.0	Giỏi
139	202824	5	Lê Nguyễn Huỳnh	Mai	28	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.25	7	6.5	Tbình
140	202825	5	Lê Thị Quỳnh	Mai	21	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	7	10	9.5	Giỏi
141	202826	6	Nguyễn Văn	Mạnh	25	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	7.5	10	9.5	Giỏi
142	202827	6	Phạm Văn	Mạnh	14	10	2000	Nam Định	Dương Văn Dương	Điện	5.75	9	8.0	Khá
143	202828	6	Đỗ Quang	Minh	16	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.75	9.5	9.0	Giỏi
144	202829	6	Lê Phương	Minh	03	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	2.25	9	7.5	Hổng
145	202830	6	Lưu Chí	Minh	11	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	3	10	8.5	Tbình
146	202831	6	Nguyễn Hoàng	Minh	23	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.25	9.5	8.0	Tbình
147	202832	6	Trần Quốc	Minh	02	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	2.75	9	7.5	Hổng
148	202833	6	Trần Tuyết	Minh	22	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	5.25	9	8.0	Khá
149	202834	6	Trương Quang	Minh	28	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	7	9	8.5	Khá
150	202835	6	Bùi Nguyễn Hoàng	Nam	20	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4	v		
151	202836	6	Đặng Hoàng	Nam	19	07	1999	Cần Thơ	Long Thới	Điện	3.25	8	7.0	Tbình
152	202837	6	Phan Hoàng	Nam	21	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.75	10	9.0	Giỏi
153	202838	6	Trần Nguyễn Hoài	Nam	17	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.75	10	9.0	Giỏi
154	202839	6	Lâm Thị Thu	Nga	08	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.5	8.5	8.0	Khá
155	202840	6	Nguyễn Thị Thanh	Nga	08	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.5	10	9.0	Giỏi
156	202841	6	Lê Thị Kim	Ngân	10	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.5	8	7.0	Tbình
157	202842	6	Nguyễn Thị Thu	Ngân	16	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.5	9	8.0	Tbình
158	202843	6	Phan Thị Phương	Ngân	03	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	3.75	10	8.5	Tbình
159	202844	6	Trần Thị Tuyết	Ngân	06	04	2000	Long An	Long Thới	Điện	7.75	9	8.5	Khá
160	202845	6	Trần Chí	Nghĩa	03	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.5	10	9.0	Giỏi
161	202846	6	Trần Lê Hiếu	Nghĩa	03	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.25	7	6.5	Tbình
162	202847	6	Trần Minh	Nghĩa	21	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.25	9	8.0	Khá
163	202848	6	Trần Trọng	Nghĩa	19	09	2000	Bình Định	Dương Văn Dương	Điện	5	10	9.0	Giỏi
164	202849	6	Huỳnh Lê Bảo	Ngọc	03	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.5	8.5	8.0	Khá
165	202850	6	Nguyễn Bảo	Ngọc	21	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.25	10	8.5	Tbình
166	202851	6	Lê Thị Thu	Nguyệt	05	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5	9.5	8.5	Khá
167	202852	6	Trần Hiếu Trang	Nhã	23	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	7.25	10	9.5	Giỏi
168	202853	6	Võ Thị Hồng	Nhan	04	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	2.75	9	7.5	Hổng
169	202854	7	Nguyễn Hữu	Nhân	19	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.5	10	8.5	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
170	202855	7	Nguyễn Trọng	Nhân	17	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	6.25	9	8.5	Khá
171	202856	7	Âu Nguyễn Yến	Nhi	28	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6	10	9.0	Giỏi
172	202857	7	Đặng Thị Tuyết	Nhi	26	06	2000	Long An	Long Thới	Điện	7	8.5	8.0	Khá
173	202858	7	Đoàn Thị Yến	Nhi	29	10	2000	Cần Thơ	Dương Văn Dương	Điện	4.25	8	7.0	Tbình
174	202859	7	Huỳnh Trần Yến	Nhi	07	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	7.5	9	8.5	Khá
175	202860	7	Nguyễn Hồng	Nhi	05	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	3.75	10	8.5	Tbình
176	202861	7	Nguyễn Thị	Nhi	15	02	1999	Đồng Tháp	Dương Văn Dương	Điện	4.5	9.5	8.5	Tbình
177	202862	7	Nguyễn Thị Yến	Nhi	22	04	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	3.25	10	8.5	Tbình
178	202863	7	Nguyễn Ý	Nhi	12	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4	8.5	7.5	Tbình
179	202864	7	Phạm Lâm Bảo	Nhi	07	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6	9	8.5	Khá
180	202865	7	Trần Lý Yến	Nhi	11	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.75	9	8.5	Khá
181	202866	7	Nguyễn Văn	Nhí	14	01	2000	Long An	Long Thới	Điện	7	10	9.5	Giỏi
182	202867	7	Đặng Phước	Nhiên	11	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	2.75	8	6.5	Hồng
183	202868	7	Đặng Trần Tuyết	Nhung	16	07	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	2.25	9	7.5	Hồng
184	202869	7	Nguyễn Thị Tổ	Nhung	25	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.5	8	7.0	Tbình
185	202870	7	Huỳnh	Như	02	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.25	9.5	8.0	Tbình
186	202871	7	Lê Quỳnh	Như	24	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.25	9.5	9.0	Giỏi
187	202872	7	Nguyễn Huỳnh Tâm	Như	10	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	3.75	10	8.5	Tbình
188	202873	7	Lê Trần Minh	Nhựt	29	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.75	9	8.0	Khá
189	202874	7	Ngô Quang	Phát	03	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	3.25	8	7.0	Tbình
190	202875	7	Phạm Huỳnh Tấn	Phát	18	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.25	10	9.0	Giỏi
191	202876	7	Trần Nhật	Phát	01	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.25	8	7.5	Khá
192	202877	7	Trương Tiến	Phát	12	08	2000	Gia Lai	Long Thới	Điện	6.5	9.5	9.0	Giỏi
193	202878	7	Lê Thanh	Phong	29	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.25	10	9.0	Giỏi
194	202879	7	Nguyễn Thanh	Phong	26	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.25	8	7.5	Khá
195	202880	7	Phan Thanh	Phong	10	01	2000	Thừa Thiên - Huế	Dương Văn Dương	Điện	5.75	8	7.5	Khá
196	202881	7	Thân Thanh	Phong	19	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	2	7.5	6.0	Hồng
197	202882	8	Nguyễn Đoàn Hoài	Phú	19	10	2000	Tiền Giang	Long Thới	Điện	2.25	9	7.5	Hồng
198	202883	8	Nguyễn Hoàng	Phú	22	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.25	8	7.5	Khá
199	202884	8	Nguyễn Tấn	Phúc	19	01	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	v	v		
200	202885	8	Lê Kim	Phụng	27	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.25	10	9.0	Giỏi
201	202886	8	Phạm Thanh Long	Phụng	05	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6	10	9.0	Giỏi
202	202887	8	Cao Hữu	Phước	16	11	2000	Long An	Long Thới	Điện	4	8	7.0	Tbình
203	202888	8	Đỗ Tấn	Phước	16	04	2000	Bến Tre	Dương Văn Dương	Điện	v	v		
204	202889	8	Huỳnh Thanh	Phước	10	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.5	9.5	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
205	202890	8	Huỳnh Duy	Phương	01	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.25	9	8.0	Tbình
206	202891	8	Huỳnh Thị Mai	Phương	07	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.25	10	8.5	Tbình
207	202892	8	Lê Quỳnh	Phương	05	01	2000	Quảng Trị	Dương Văn Dương	Điện	3.5	10	8.5	Tbình
208	202893	8	Lê Triều Uyên	Phương	13	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	3.75	10	8.5	Tbình
209	202894	8	Nguyễn Nam	Phương	16	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	2.75	9	7.5	Hông
210	202895	8	Nguyễn Thị Nam	Phương	15	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.25	9	8.5	Khá
211	202896	8	Võ Nguyễn Thanh	Quang	30	04	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	v	v		
212	202897	8	Nguyễn Châu Toàn	Quốc	03	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.25	8	7.5	Khá
213	202898	8	Võ Nguyễn Trường	Quý	19	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.25	7.5	7.0	Khá
214	202899	8	Nguyễn Thị Phương	Quyên	24	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.25	8	7.5	Khá
215	202900	8	Nguyễn Thành	Sang	17	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	2.75	9	7.5	Hông
216	202901	8	Nguyễn Thành	Sang	29	03	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.25	10	9.0	Giỏi
217	202902	8	Đặng Tiến	Si	18	06	2000	Cần Thơ	Phước Kiển	Điện	3.75	9	7.5	Tbình
218	202903	8	Bùi Trần Công	Sỹ	24	09	2000	Đồng Nai	Long Thới	Điện	5.25	9	8.0	Khá
219	202904	8	Lê Thái	Tài	10	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	2	10	8.0	Hông
220	202905	8	Trần Kim	Tài	26	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	2	9	7.5	Hông
221	202906	8	Trần Phát	Tài	31	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	8	9	9.0	Giỏi
222	202907	8	Trịnh Minh	Tài	10	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	1.5	8.5	7.0	Hông
223	202908	8	Võ Tấn	Tài	13	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	2	10	8.0	Hông
224	202909	8	Nguyễn Phước	Tạo	18	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	3.25	7.5	6.5	Tbình
225	202910	9	Lê Huỳnh Khánh	Tâm	11	04	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	2.75	9.5	8.0	Hông
226	202911	9	Phan Ngọc	Tâm	22	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.25	9.5	9.0	Giỏi
227	202912	9	Phan Thanh	Tâm	04	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.75	9	8.0	Tbình
228	202913	9	Trần Thanh	Tâm	16	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.75	9.5	9.0	Giỏi
229	202914	9	Phạm Trần Duy	Tân	28	08	2000	Long An	Long Thới	Điện	5.5	8	7.5	Khá
230	202915	9	Cát Văn	Tấn	16	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.75	9	8.5	Khá
231	202916	9	Phạm Hoàng	Tấn	25	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6	10	9.0	Giỏi
232	202917	9	Huỳnh Thái	Thạch	10	10	2000	Bến Tre	Dương Văn Dương	Điện	6	10	9.0	Giỏi
233	202918	9	Đào Minh	Thanh	27	07	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.25	9	8.0	Tbình
234	202919	9	Nguyễn Tuấn	Thanh	26	06	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6	9	8.5	Khá
235	202920	9	Trần Lê Đình	Thanh	19	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	5	10	9.0	Giỏi
236	202921	9	Trần Nhật	Thanh	05	05	2000	Vĩnh Long	Phước Kiển	Điện	6.75	9	8.5	Khá
237	202922	9	Lưu Tấn	Thành	03	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.25	10	8.5	Tbình
238	202923	9	Ngô Ngọc	Thành	27	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	3.25	10	8.5	Tbình
239	202924	9	Phạm Văn	Thành	13	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.25	8.5	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	loại
240	202925	9	Nguyễn	Thanh	01	01	2000	Bình Dương	Phước Kiển	Điện	3.75	10	8.5	Tbình
241	202926	9	Chế Thị Thanh	Thảo	11	12	1999	Long An	Long Thới	Điện	6.25	9	8.5	Khá
242	202927	9	Nguyễn Ngọc	Thảo	23	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	3.75	9.5	8.0	Tbình
243	202928	9	Nguyễn Thị	Thảo	31	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	8.25	9	9.0	Giỏi
244	202929	9	Văn Thanh	Thảo	20	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.75	9.5	8.5	Khá
245	202930	9	Võ Thị Hồng	Thắm	15	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5	9	8.0	Khá
246	202931	9	Đặng Văn	Thắng	13	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.75	8.5	7.5	Tbình
247	202932	9	Lê Đức	Thắng	30	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.25	10	8.5	Tbình
248	202933	9	Lê Huỳnh Hiếu	Thắng	08	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.25	9	8.0	Tbình
249	202934	9	Đặng Thị Cẩm	Thì	25	02	2000	Long An	Long Thới	Điện	6	8	7.5	Khá
250	202935	9	Nguyễn Ngọc Phương	Thì	14	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	3.25	9.5	8.0	Tbình
251	202936	9	Trang Thị Mỹ	Thì	26	03	2000	Long An	Long Thới	Điện	3.5	10	8.5	Tbình
252	202937	9	Trương Nhật Cẩm	Thì	07	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	3.25	8.5	7.0	Tbình
253	202938	10	Nguyễn Minh	Thuận	23	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.5	9.5	9.0	Giỏi
254	202939	10	Trần Thành	Thuận	23	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.75	10	8.5	Tbình
255	202940	10	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	23	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.5	10	9.0	Giỏi
256	202941	10	Nguyễn Thị Mộng	Thùy	19	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.25	10	9.5	Giỏi
257	202942	10	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	10	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	7.25	9.5	9.0	Giỏi
258	202943	10	Đào Thị Anh	Thư	13	04	2000	Sóc Trăng	Long Thới	Điện	6.75	10	9.0	Giỏi
259	202944	10	Huỳnh Nguyễn Anh	Thư	26	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.25	10	8.5	Tbình
260	202945	10	Nguyễn Anh	Thư	18	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.5	10	8.5	Tbình
261	202946	10	Tạ Chí	Thức	07	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.25	10	8.5	Tbình
262	202947	10	Đỗ Thị Ka	Thy	26	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.5	10	8.5	Tbình
263	202948	10	Nguyễn Đào Huỳnh	Tiên	01	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	3.25	10	8.5	Tbình
264	202949	10	Phạm Thị Cẩm	Tiên	11	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.75	8	7.5	Khá
265	202950	10	Võ Thị Cẩm	Tiên	06	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6	8	7.5	Khá
266	202951	10	Đặng Hoàng	Tiến	14	03	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	v	v		
267	202952	10	Lê Minh	Tiến	15	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	v	v		
268	202953	10	Lưu Huỳnh Minh	Tiến	03	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.75	9	8.0	Khá
269	202954	10	Nguyễn Đức	Tiến	11	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.75	9	8.0	Khá
270	202955	10	Nguyễn Minh	Tiến	11	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	v	v		
271	202956	10	Nguyễn Tấn	Tiến	14	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	3.75	10	8.5	Tbình
272	202957	10	Trần Đình	Tiến	08	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.75	9	8.0	Tbình
273	202958	10	Trần Trọng	Tiến	27	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.25	9	8.0	Tbình
274	202959	10	Nguyễn Thị Bích	Tiền	14	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.25	8	7.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
275	202960	10	Lê Hoàng Trọng	Tín	18	07	2000	Bến Tre	Dương Văn Dương	Điện	3.75	10	8.5	Tbình
276	202961	10	Lê Vương	Tín	21	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5	9	8.0	Khá
277	202962	10	Mai Văn	Tình	02	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	3	9.5	8.0	Tbình
278	202963	10	Hồ Quốc	Toàn	16	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	5.25	9	8.0	Khá
279	202964	10	Đặng Thị Mỹ	Trang	25	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	6.75	9	8.5	Khá
280	202965	10	Hồ Thị Thùy	Trang	30	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	8.5	9	9.0	Giỏi
281	202966	11	Mai Thị Diễm	Trang	14	12	2000	Trà Vinh	Dương Văn Dương	Điện	5.25	10	9.0	Giỏi
282	202967	11	Nguyễn Huỳnh Phương	Trang	08	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.75	9	8.5	Khá
283	202968	11	Trương Thị Thùy	Trang	29	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.5	10	8.5	Tbình
284	202969	11	Hà Thị Ngọc	Trâm	11	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.25	8	8.0	Khá
285	202970	11	Nguyễn Ngọc	Trâm	10	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.75	10	9.0	Giỏi
286	202971	11	Nguyễn Sĩ Hoàng	Trâm	11	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.5	10	8.5	Tbình
287	202972	11	Phạm Nguyễn Quê	Trâm	08	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7	8	8.0	Khá
288	202973	11	Đặng Thị Thùy	Trân	30	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	3.5	8	7.0	Tbình
289	202974	11	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	25	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	5	8	7.5	Khá
290	202975	11	Lê Đức	Trí	13	06	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	3.5	10	8.5	Tbình
291	202976	11	Phạm Minh	Trí	26	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	5.25	10	9.0	Giỏi
292	202977	11	Lê Minh	Triết	02	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.5	9	8.5	Khá
293	202978	11	Nguyễn Thành	Triệu	03	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.5	10	9.0	Giỏi
294	202979	11	Võ Thị Phương	Trinh	03	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.75	9.5	8.5	Tbình
295	202980	11	Lê	Trọng	23	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.5	10	9.0	Giỏi
296	202981	11	Trần Đức	Trọng	18	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	2.75	9	7.5	Hổng
297	202982	11	Vũ Bá	Trọng	03	03	2000	Đồng Nai	Phước Kiển	Điện	4	10	8.5	Tbình
298	202983	11	Đào Nguyễn Thanh	Trúc	24	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	6	9	8.5	Khá
299	202984	11	Huỳnh Thanh	Trúc	06	06	2000	An Giang	Dương Văn Dương	Điện	5.5	10	9.0	Giỏi
300	202985	11	Huỳnh Thanh	Trúc	03	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7	9	8.5	Khá
301	202986	11	Phạm Thị Thu	Trúc	18	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.5	9	8.0	Tbình
302	202987	11	Trần Thị Hồng	Trúc	12	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.5	10	9.0	Giỏi
303	202988	11	Cao Chí	Trung	14	01	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4	9	8.0	Tbình
304	202989	11	Lê Minh	Trung	28	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5	8	7.5	Khá
305	202990	11	Lê Thành	Trung	28	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	3.75	9	7.5	Tbình
306	202991	11	Thái Bình	Trung	20	04	2000	Đồng Tháp	Dương Văn Dương	Điện	5.75	8	7.5	Khá
307	202992	11	Trương Quốc	Trung	10	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.75	9	8.0	Tbình
308	202993	11	Trần Trung	Trực	20	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	1.75	8	6.5	Hổng
309	202994	12	Diệp Phi	Trường	05	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	3.75	9	7.5	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
310	202995	12	Nguyễn An	Trường	14	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.25	10	8.5	Tbình
311	202996	12	Nguyễn Hoàng	Trường	04	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.25	8	7.0	Tbình
312	202997	12	Lê Thị Cẩm	Tú	17	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.75	9	8.0	Tbình
313	202998	12	Phạm Minh	Tú	12	09	1999	Long An	Dương Văn Dương	Điện	v	v		
314	202999	12	Lê Anh	Tuấn	28	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.25	10	8.5	Tbình
315	203000	12	Mai Anh	Tuấn	15	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	v	v		
316	203001	12	Nguyễn Hữu	Tuấn	19	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.25	10	9.0	Giỏi
317	203002	12	Phạm Hoàng	Tuấn	12	07	2000	Long An	Long Thới	Điện	4.5	9.5	8.5	Tbình
318	203003	12	Tạ Thái	Tuấn	24	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.75	10	9.0	Giỏi
319	203004	12	Vũ Ngọc	Tuấn	17	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.5	10	8.5	Tbình
320	203005	12	Lê Anh	Tùng	31	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.75	10	9.0	Giỏi
321	203006	12	Lê Thanh	Tùng	12	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.75	10	8.5	Tbình
322	203007	12	Trần Thị Thanh	Tuyết	09	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.75	10	9.0	Giỏi
323	203008	12	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	12	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	6.75	9	8.5	Khá
324	203009	12	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	22	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.75	10	9.0	Giỏi
325	203010	12	Nguyễn Bửu	Vẹn	05	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5	10	9.0	Giỏi
326	203011	12	Đỗ Nguyễn Thanh	Vi	09	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.25	9	8.0	Tbình
327	203012	12	Đình Quang	Vinh	20	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	3.75	10	8.5	Tbình
328	203013	12	Nguyễn Hữu	Vinh	03	10	2000	Tiền Giang	Dương Văn Dương	Điện	5	9.5	8.5	Khá
329	203014	12	Nguyễn Nhất	Vinh	07	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4.5	9.5	8.5	Tbình
330	203015	12	Mai Hoàng Anh	Vũ	11	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.25	10	9.5	Giỏi
331	203016	12	Ngô Văn	Vũ	13	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.75	9.5	8.5	Khá
332	203017	12	Nguyễn Minh	Vũ	24	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	5.25	9	8.0	Khá
333	203018	12	Phạm Hoàng	Vũ	13	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	6.25	10	9.0	Giỏi
334	203019	12	Phan Huỳnh Nguyên	Vũ	14	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5.25	10	9.0	Giỏi
335	203020	12	Tạ Thanh	Vũ	07	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4	7.5	6.5	Tbình
336	203021	12	Dương Quốc	Vương	10	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Điện	4	8.5	7.5	Tbình
337	203022	13	Cao Ngọc Lê	Vy	29	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5	10	9.0	Giỏi
338	203023	13	Đặng Nguyễn Thúy	Vy	15	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7	10	9.5	Giỏi
339	203024	13	Lê Tuyết	Vy	20	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.75	9	8.0	Tbình
340	203025	13	Nguyễn Ngọc	Vy	15	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.5	10	8.5	Tbình
341	203026	13	Nguyễn Ngọc Lan	Vy	11	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	3	10	8.5	Tbình
342	203027	13	Trần Phương	Vy	26	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5	10	9.0	Giỏi
343	203028	13	Trần Thúy	Vy	18	08	2000	An Giang	Dương Văn Dương	Điện	5.75	10	9.0	Giỏi
344	203029	13	Nguyễn Châu Hương	Xuân	07	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.5	10	8.5	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
345	203030	13	Huỳnh Hoàng Yến	07	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	5	9	8.0	Khá
346	203031	13	Nguyễn Thị Kim Yến	04	06	2000	Quảng Ngãi	Phước Kiên	Điện	4	8.5	7.5	Tbình
347	203032	13	Phạm Thị Yến	28	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	7.25	10	9.5	Giỏi
348	203033	13	Phạm Thị Hồng Yến	02	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Điện	4.5	9	8.0	Tbình
349	804778	14	Huỳnh Tấn An	04	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9.5	8.5	Khá
350	804779	14	Lê Nguyễn Trường An	04	02	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	4.75	8.5	7.5	Tbình
351	804780	14	Nguyễn Thanh An	08	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8.5	10	9.5	Giỏi
352	804781	14	Dương Minh Anh	22	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.25	8.5	8.0	Khá
353	804782	14	Đỗ Nguyễn Thị Phương Anh	26	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	6.25	9	8.5	Khá
354	804783	14	Hoàng Trần Lan Anh	24	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	9.5	8.5	Khá
355	804784	14	Lê Hoàng Anh	31	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.75	9.5	8.5	Khá
356	804785	14	Nguyễn Hà Kiều Anh	07	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.25	9.5	8.5	Khá
357	804786	14	Nguyễn Hằng Vân Anh	01	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
358	804787	14	Nguyễn Hoàng Anh	20	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.25	10	9.0	Giỏi
359	804788	14	Nguyễn Huỳnh Thái Anh	18	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
360	804789	14	Nguyễn Minh Anh	13	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
361	804790	14	Nguyễn Ngọc Phương Anh	19	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	10	9.0	Giỏi
362	804791	14	Nguyễn Phạm Huyền Anh	14	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	3.5	10	8.5	Tbình
363	804792	14	Nguyễn Thanh Tuyết Anh	14	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9.5	8.5	Khá
364	804793	14	Nguyễn Thị Huỳnh Anh	29	10	2000	Vĩnh Long	Phước Kiên	Tin học	4	9.5	8.0	Tbình
365	804794	14	Nguyễn Thị Lan Anh	09	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.25	9.5	8.5	Khá
366	804795	14	Nguyễn Thị Mai Anh	04	07	2000	Quảng Ninh	Phước Kiên	Tin học	5.5	10	9.0	Giỏi
367	804796	14	Nguyễn Trường Duy Anh	21	04	2000	Khánh Hòa	Phước Kiên	Tin học	7.5	10	9.5	Giỏi
368	804797	14	Nguyễn Văn Anh	22	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8	9	9.0	Giỏi
369	804798	14	Nguyễn Võ Đức Anh	19	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	6.25	9	8.5	Khá
370	804799	14	Phạm Lê Lan Anh	20	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
371	804800	14	Phạm Nhật Anh	30	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	9.5	9.0	Giỏi
372	804801	14	Phan Lý Quỳnh Anh	01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4	10	8.5	Tbình
373	804802	14	Trương Hữu Hoàng Anh	28	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	7.5	9	8.5	Khá
374	804803	14	Vũ Tuấn Anh	05	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
375	804804	14	Nguyễn Hoài Ân	16	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	9	8.5	Khá
376	804805	14	Trần Nguyễn Thanh Ân	29	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
377	804806	15	Hoàng Gia Bảo	20	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	8.5	8.0	Khá
378	804807	15	Huỳnh Quốc Bảo	26	06	2000	Tiền Giang	Phước Kiên	Tin học	4	8.5	7.5	Tbình
379	804808	15	Ngô Thế Bảo	08	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	3.5	9	7.5	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
380	804809	15	Nguyễn Quốc Bảo	24	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
381	804810	15	Nguyễn Văn Bảo	04	04	2000	Đồng Nai	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	9.5	9.0	Giỏi
382	804811	15	Phạm Ngọc Bảo	22	09	2000	Tiền Giang	Phước Kiển	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
383	804812	15	Nguyễn Văn Bên	09	05	2000	An Giang	Dương Văn Dương	Tin học	4	9	8.0	Tbình
384	804813	15	Khuất Thị Ngọc Bích	08	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	8.5	7.5	Khá
385	804814	15	Trang Thanh Bình	24	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7.25	9.5	9.0	Giỏi
386	804815	15	Trần Tuấn Bình	13	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	10	9.0	Giỏi
387	804816	15	Lê Minh Châu	24	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	10	9.5	Giỏi
388	804817	15	Nguyễn Bảo Châu	19	05	1999	Cà Mau	Dương Văn Dương	Tin học	v	v		
389	804818	15	Võ Trần Linh Chi	12	06	2000	Đồng Nai	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
390	804819	15	Lê Hồng Chương	23	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3.5	7	6.0	Tbình
391	804820	15	Nguyễn Hữu Chương	27	04	2000	Thanh Hóa	Phước Kiển	Tin học	4.25	9.5	8.0	Tbình
392	804821	15	Lương Thành Công	13	09	2000	Nam Định	Dương Văn Dương	Tin học	6.25	10	9.0	Giỏi
393	804822	15	Nguyễn Chiến Công	13	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	v	v		
394	804823	15	Phạm Thị Kim Cúc	17	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	10	9.5	Giỏi
395	804824	15	Lê Vũ Kim Cương	08	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	10	9.0	Giỏi
396	804825	15	Nguyễn Minh Cường	15	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4	9.5	8.0	Tbình
397	804826	15	Nguyễn Quốc Cường	13	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
398	804827	15	Nguyễn Việt Cường	19	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	8.5	7.5	Khá
399	804828	15	Nguyễn Hoàng Danh	03	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
400	804829	15	Chế Thanh Dinh	05	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9.5	8.5	Khá
401	804830	15	Dương Thanh Dinh	21	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
402	804831	15	Nguyễn Quang Dinh	29	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.5	10	9.5	Giỏi
403	804832	15	Trần Thị Kim Dung	16	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	9.5	8.5	Khá
404	804833	15	Trần Thị Thu Dung	30	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	8.5	7.5	Khá
405	804834	16	Nguyễn Phước Dũng	23	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
406	804835	16	Nguyễn Tiến Dũng	26	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	9.5	9.0	Giỏi
407	804836	16	Phạm Tuấn Dũng	15	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3.5	9	7.5	Tbình
408	804837	16	Vũ Dũng	22	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	2.5	8.5	7.0	Hổng
409	804838	16	Đỗ Nhật Duy	23	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
410	804839	16	Kiều Hữu Duy	18	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	v	v		
411	804840	16	Nguyễn Thanh Duy	21	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	9.5	9.0	Giỏi
412	804841	16	Trần Chí Anh Duy	18	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.25	9.5	8.0	Tbình
413	804842	16	Trần Trọng Duy	25	02	2000	Tiền Giang	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	10	9.0	Giỏi
414	804843	16	Lê Thị Kim Duyên	14	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	9	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
415	804844	16	Nguyễn Mỹ Duyên		12	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.25	10	9.0	Giỏi
416	804845	16	Võ Quốc Dur		23	10	2000	Long An	Dương Văn Dương	Tin học	8.25	10	9.5	Giỏi
417	804846	16	Dương Hoàng Dươc		11	07	2000	Tây Ninh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	10	9.0	Giỏi
418	804847	16	Đặng Lê Ánh Dương		22	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.25	10	8.5	Tbình
419	804848	16	Lê Thị Thùy Dương		10	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
420	804849	16	Lý Thuỳ Dương		27	03	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.5	9	8.0	Tbình
421	804850	16	Nguyễn Ngọc Ánh Dương		12	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
422	804851	16	Nguyễn Tùng Dương		30	04	2000	Đắk Lắk	Dương Văn Dương	Tin học	4	10	8.5	Tbình
423	804852	16	Trần Huỳnh Thùy Dương		03	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.75	9	8.5	Khá
424	804853	16	Lê Hữu Đại		21	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	8.75	9.5	9.5	Giỏi
425	804854	16	Huỳnh Hà Xuân Đào		27	02	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6	8.5	8.0	Khá
426	804855	16	Võ Minh Đạo		23	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.5	9	8.0	Tbình
427	804856	16	Châu Thành Đạt		14	01	2000	Trà Vinh	Phước Kiển	Tin học	5	10	9.0	Giỏi
428	804857	16	Đoàn Đàm Tấn Đạt		17	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8	10	9.5	Giỏi
429	804858	16	Lê Minh Đạt		15	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	8.75	9.5	9.5	Giỏi
430	804859	16	Lê Thành Đạt		22	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
431	804860	16	Lê Tuấn Đạt		29	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	2.5	9	7.5	Hồng
432	804861	16	Nguyễn Huy Đạt		18	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.75	10	9.5	Giỏi
433	804862	17	Nguyễn Tiên Đạt		20	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	8	7.5	Khá
434	804863	17	Trần Tiến Đạt		26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	8	7.5	Khá
435	804864	17	Võ Thành Đạt		21	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	9	8.5	Khá
436	804865	17	Lê Thanh Điền		21	04	2000	Sóc Trăng	Phước Kiển	Tin học	3	7.5	6.5	Tbình
437	804866	17	Phạm Minh Điền		01	12	2000	Kiên Giang	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
438	804867	17	Nguyễn Ngọc Đình		06	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3.75	9	7.5	Tbình
439	804868	17	Bùi Đồ		10	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8	8.5	8.5	Khá
440	804869	17	Hà Tất Đoàn		30	10	2000	Hà Nội	Dương Văn Dương	Tin học	7	9	8.5	Khá
441	804870	17	Hoàng Hồng Đoàn		26	03	2000	Hà Tĩnh	Phước Kiển	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
442	804871	17	Dương Hoài Đông		07	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	v	v		
443	804872	17	Lâm Huỳnh Đức		27	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
444	804873	17	Lê Anh Đức		23	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.75	9.5	9.0	Giỏi
445	804874	17	Nguyễn Minh Đức		01	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.75	9	8.0	Tbình
446	804875	17	Phạm Trù Em		30	01	2000	An Giang	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	10	9.5	Giỏi
447	804876	17	Trần Hoàng Gia		26	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
448	804877	17	Cao Vũ Trường Giang		07	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3.5	5	4.5	Hồng
449	804878	17	Nguyễn Hoàng Phương Giao		15	11	2000	Đồng Nai	Dương Văn Dương	Tin học	6	9.5	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
450	804879	17	Trương Thị Ngọc	Giàu	04	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	9.5	8.5	Khá
451	804880	17	Nguyễn Thị Kim	Hà	31	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
452	804881	17	Nguyễn Thị Thúy	Hà	20	06	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
453	804882	17	Trần Thị Vân	Hà	29	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6	9	8.5	Khá
454	804883	17	Phạm Hoàng	Hải	30	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	8.25	8.5	8.5	Khá
455	804884	17	Trần Minh	Hải	22	12	2000	Bạc Liêu	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
456	804885	17	Nguyễn Thị Phương Hồng	Hạnh	21	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.75	8.5	7.5	Tbình
457	804886	17	Đỗ Anh	Hào	21	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6	9	8.5	Khá
458	804887	17	Nguyễn Chí	Hào	04	12	2000	Đồng Nai	Dương Văn Dương	Tin học	4.5	9	8.0	Tbình
459	804888	17	Trần Minh	Hào	03	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.25	10	8.5	Tbình
460	804889	17	Lê Tân Giao	Hảo	05	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
461	804890	18	Đỗ Ngô Thúy	Hằng	14	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	9.5	8.5	Khá
462	804891	18	Lục Thị Thanh	Hằng	25	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
463	804892	18	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	05	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	9	8.5	Khá
464	804893	18	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	19	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
465	804894	18	Trần Thị Thu	Hằng	24	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
466	804895	18	Trần Thị Tuyết	Hằng	12	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
467	804896	18	Trần Thu	Hằng	29	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
468	804897	18	Vũ Thị	Hằng	26	05	2000	Hải Dương	Phước Kiển	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
469	804898	18	Huỳnh Lê Gia	Hân	10	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.5	8	8.0	Khá
470	804899	18	Lê Ngọc Thúy	Hân	31	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3.75	9	7.5	Tbình
471	804900	18	Nguyễn Thị Anh	Hân	17	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.25	7	6.5	Tbình
472	804901	18	Trần Hoàng Gia	Hân	10	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.5	9	8.0	Tbình
473	804902	18	Ngô Minh	Hậu	18	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.5	10	9.5	Giỏi
474	804903	18	Trần Thị Kim	Hậu	15	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
475	804904	18	Võ Thế	Hậu	30	12	2000	Đồng Nai	Dương Văn Dương	Tin học	4	8.5	7.5	Tbình
476	804905	18	Lưu Thanh	Hiền	18	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.25	9.5	8.0	Tbình
477	804906	18	Nguyễn Ngọc Thúy	Hiền	08	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6	9	8.5	Khá
478	804907	18	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	11	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	10	9.0	Giỏi
479	804908	18	Trần Vinh	Hiền	01	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	v	v		
480	804909	18	Lý Toàn	Hiếu	15	09	2000	Tiền Giang	Dương Văn Dương	Tin học	8.75	10	9.5	Giỏi
481	804910	18	Nguyễn Minh	Hiếu	22	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	9.5	9.0	Giỏi
482	804911	18	Phạm Văn	Hiếu	03	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.75	9.5	8.5	Tbình
483	804912	18	Phan Hữu	Hiếu	03	09	1999	Khánh Hòa	Dương Văn Dương	Tin học	4.75	v		
484	804913	18	Trần Minh	Hiếu	16	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.5	10	9.5	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
485	804914	18	Huỳnh Thị	Hoa	07	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
486	804915	18	Nguyễn Thị Bích	Hoa	27	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	9.5	8.5	Khá
487	804916	18	Võ Thị	Hoa	04	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
488	804917	18	Đào Công	Hòa	11	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
489	804918	19	Phạm Thị	Hòa	08	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	v	v		
490	804919	19	Trương Thị Thu	Hòa	08	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
491	804920	19	Nguyễn Hữu	Hoàng	19	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.75	9.5	9.0	Giỏi
492	804921	19	Nguyễn Thuận	Hoàng	10	01	2000	Vĩnh Long	Phước Kiển	Tin học	5.5	9.5	8.5	Khá
493	804922	19	Phạm Thanh	Hoàng	30	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
494	804923	19	Trịnh Công	Hoàng	09	02	2000	Hải Dương	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
495	804924	19	Bùi Anh	Học	12	03	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6	8.5	8.0	Khá
496	804925	19	Phạm Thị Kim	Hồng	23	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6	8.5	8.0	Khá
497	804926	19	Đặng Phi	Hùng	04	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	8.25	9.5	9.0	Giỏi
498	804927	19	Nguyễn Tiến	Hùng	31	10	2000	Trì Tây	Phước Kiển	Tin học	3.75	8.5	7.5	Tbình
499	804928	19	Nguyễn Văn	Hùng	04	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.75	9	8.0	Tbình
500	804929	19	Đặng Khánh	Huy	28	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.25	9.5	8.0	Tbình
501	804930	19	Hồ Thanh	Huy	10	07	2000	Tiền Giang	Dương Văn Dương	Tin học	4.75	9	8.0	Tbình
502	804931	19	Hồ Vinh	Huy	09	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	9.5	8.5	Khá
503	804932	19	Lê Nguyễn Gia	Huy	22	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
504	804933	19	Lê Phạm Gia	Huy	28	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.5	10	9.5	Giỏi
505	804934	19	Lê Quang	Huy	31	12	2000	Hà Nội	Phước Kiển	Tin học	4.75	9.5	8.5	Tbình
506	804935	19	Nguyễn	Huy	18	03	2000	Thừa Thiên - Huế	Phước Kiển	Tin học	7.25	10	9.5	Giỏi
507	804936	19	Nguyễn Hoàng Phúc	Huy	14	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	9.5	9.0	Giỏi
508	804937	19	Nguyễn Nhân	Huy	04	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	10	9.0	Giỏi
509	804938	19	Nguyễn Thanh	Huy	05	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	v	v		
510	804939	19	Nguyễn Vũ Đức	Huy	22	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	9.5	8.5	Khá
511	804940	19	Trần Quang	Huy	22	10	2000	Thái Bình	Dương Văn Dương	Tin học	7	9.5	9.0	Giỏi
512	804941	19	Phan Lê Ánh	Huyền	29	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
513	804942	19	Châu Thị Mỹ	Huyền	05	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.5	10	8.5	Tbình
514	804943	19	Đồng Thị Thu	Huyền	15	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4	10	8.5	Tbình
515	804944	19	Trần Thị Mỹ	Huyền	08	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	10	9.5	Giỏi
516	804945	19	Huỳnh Như	Huỳnh	31	08	1999	Cà Mau	Dương Văn Dương	Tin học	5	10	9.0	Giỏi
517	804946	20	Võ Thanh Diễm	Huỳnh	01	01	2000	Thị trấn Lấp Vò	Phước Kiển	Tin học	4.25	9	8.0	Tbình
518	804947	20	Võ Thị Phương	Huỳnh	08	08	2000	Đồng Nai	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
519	804948	20	Đoàn Thị	Hương	12	04	2000	Hưng Yên	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	9	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
520	804949	20	Hoàng Trần Thanh	Hương	23	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
521	804950	20	Lê Thị Minh	Hương	21	02	2000	Đồng Nai	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
522	804951	20	Huỳnh Võ Thị Cẩm	Hường	03	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9.5	8.5	Khá
523	804952	20	Phạm Thị Cẩm	Hường	08	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	9.5	8.5	Khá
524	804953	20	Nguyễn Hoàng	Kha	20	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
525	804954	20	Nguyễn Hoàng	Khang	12	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.5	10	8.5	Tbình
526	804955	20	Nguyễn Hoàng	Khanh	01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	9.5	8.5	Khá
527	804956	20	Nguyễn Tuấn	Khanh	16	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	3.5	9	7.5	Tbình
528	804957	20	Mai Quốc	Khánh	30	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.5	9	8.5	Khá
529	804958	20	Nguyễn Trần Đăng	Khánh	01	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	9.5	8.5	Khá
530	804959	20	Trần Quốc	Khánh	24	09	1999	Tiền Giang	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
531	804960	20	Trần Quốc	Khánh	10	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.75	10	8.5	Tbình
532	804961	20	Nguyễn Hoàng	Khâm	25	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.25	10	9.0	Giỏi
533	804962	20	Nguyễn Đình	Khiêm	02	11	1999	Vĩnh Long	Phước Kiển	Tin học	3.5	10	8.5	Tbình
534	804963	20	Huỳnh Hồ Bảo	Khoa	31	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
535	804964	20	Lê Trường	Khoa	18	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.75	10	9.5	Giỏi
536	804965	20	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	13	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.5	9.5	8.5	Tbình
537	804966	20	Phạm Đăng	Khoa	23	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	9.5	8.5	Khá
538	804967	20	Nguyễn Quốc	Khôi	24	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7.25	9.5	9.0	Giỏi
539	804968	20	Nguyễn Anh	Kiệt	15	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3.5	10	8.5	Tbình
540	804969	20	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	26	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.75	8.5	7.5	Tbình
541	804970	20	Nguyễn Thụy Phương	Kiều	06	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.5	10	8.5	Tbình
542	804971	20	Lại Gia	Lạc	30	06	2000	Lâm Đồng	Phước Kiển	Tin học	7.25	9	8.5	Khá
543	804972	20	Lê Thị Tuyết	Lan	10	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
544	804973	20	Phan Thị Ngọc	Lan	23	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7	9	8.5	Khá
545	804974	21	Vũ Thị	Lan	03	08	2000	Ninh Bình	Dương Văn Dương	Tin học	7.75	9	8.5	Khá
546	804975	21	Đỗ Phú	Lâm	16	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
547	804976	21	Ha	Li	25	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
548	804977	21	Nguyễn Huỳnh Thị Cẩm	Liên	17	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	8.5	8.0	Khá
549	804978	21	Đào Ngọc Huyền	Linh	24	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	v	v		
550	804979	21	Đỗ Quang	Linh	01	03	2000	Quảng Ngãi	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
551	804980	21	Nguyễn Mai Trúc	Linh	28	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
552	804981	21	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	19	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.25	9	8.0	Tbình
553	804982	21	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	11	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6	9	8.5	Khá
554	804983	21	Nguyễn Thị Trúc	Linh	17	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	9	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
555	804984	21	Nguyễn Thị Tuyết	Linh	13	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.5	9	8.0	Tbình
556	804985	21	Nguyễn Thúy	Linh	29	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
557	804986	21	Phan Huỳnh Phương	Linh	19	04	2000	Bến Tre	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
558	804987	21	Trần Ngọc Mỹ	Linh	30	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8.75	9	9.0	Giỏi
559	804988	21	Trần Nguyễn Trúc	Linh	12	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
560	804989	21	Trần Thị Mỹ	Linh	21	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	9.5	8.5	Khá
561	804990	21	Mai Yên	Loan	29	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
562	804991	21	Phan Thị Vũ	Loan	08	05	2000	Quảng Nam	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
563	804992	21	Châu Nguyễn	Long	03	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	10	9.5	Giỏi
564	804993	21	Đặng Tử	Long	01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7.5	10	9.5	Giỏi
565	804994	21	Huỳnh Thanh	Long	02	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3.5	8.5	7.5	Tbình
566	804995	21	Nguyễn Hoàng	Long	30	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	9	8.5	Khá
567	804996	21	Nguyễn Lê Thiên	Long	17	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9.5	8.5	Khá
568	804997	21	Nguyễn Thiên	Long	16	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	9.5	8.5	Khá
569	804998	21	Nguyễn Triệu Hiệp	Long	04	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7	9	8.5	Khá
570	804999	21	Phan Hoàng	Long	04	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.5	7.5	7.0	Tbình
571	805000	21	Phan Hoàng	Long	20	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.25	9	8.0	Tbình
572	805001	21	Phan Minh	Long	09	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4	8	7.0	Tbình
573	805002	22	Triệu Bảo	Long	04	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8	10	9.5	Giỏi
574	805003	22	Cao Tài	Lộc	28	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
575	805004	22	Ngô Gia	Lộc	22	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7.5	9	8.5	Khá
576	805005	22	Nguyễn Văn	Lợi	12	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.25	9.5	8.0	Tbình
577	805006	22	Phan Hữu	Lợi	28	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
578	805007	22	Huỳnh Minh	Luân	07	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8.25	9.5	9.0	Giỏi
579	805008	22	Nguyễn Khánh	Luân	03	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	3.5	v		
580	805009	22	Phan Thị Ngọc	Luyến	20	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6	9.5	8.5	Khá
581	805010	22	Huỳnh Quế	Mai	02	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
582	805011	22	Nguyễn Ngọc Trúc	Mai	14	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
583	805012	22	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	11	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.75	9	8.5	Khá
584	805013	22	Phạm Thị Xuân	Mai	22	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
585	805014	22	Nguyễn Ngọc	Mạnh	28	10	2000	Hưng Yên	Phước Kiển	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
586	805015	22	Hồ Công	Mẫn	19	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	v	v		
587	805016	22	Hoàng Ý	Mi	03	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.5	9.5	8.5	Tbình
588	805017	22	Bùi Đăng Công	Minh	11	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
589	805018	22	Đỗ Lê Hoàng	Minh	19	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3.5	9.5	8.0	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
590	805019	22	Đỗ Triền	Minh	04	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	10	9.0	Giỏi
591	805020	22	Nguyễn Bình	Minh	11	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	3.75	9	7.5	Tbình
592	805021	22	Nguyễn Công	Minh	14	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	2.75	9	7.5	Hồng
593	805022	22	Phạm Nhật	Minh	02	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	6.25	9	8.5	Khá
594	805023	22	Võ Hoàng	Minh	20	03	2000	An Giang	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
595	805024	22	Trần Yết	My	31	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
596	805025	22	Bùi Thị Nhựt	Nam	08	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
597	805026	22	Chu Nguyễn Phương	Nam	16	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.5	9.5	8.5	Khá
598	805027	22	Đặng Hoàng	Nam	10	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	6	5.5	5.5	Tbình
599	805028	22	Lê Phạm Phương	Nam	11	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
600	805029	22	Nguyễn Nhựt	Nam	17	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5	9	8.0	Khá
601	805030	23	Nguyễn Phương	Nam	12	07	1997	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	2.75	9	7.5	Hồng
602	805031	23	Huỳnh Thủy	Nga	06	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	6.5	7.5	7.5	Khá
603	805032	23	Phan Thị Thùy	Nga	14	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	v	v		
604	805033	23	Phan Thị Tuyết	Nga	19	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
605	805034	23	Đặng Thị Khánh	Ngân	17	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
606	805035	23	Đỗ Kim	Ngân	17	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	6.25	9	8.5	Khá
607	805036	23	Hồ Thị Thanh	Ngân	09	09	2000	Trà Vinh	Phước Kiên	Tin học	6.25	8.5	8.0	Khá
608	805037	23	Lê Thị Tuyết	Ngân	29	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	9	8.5	Khá
609	805038	23	Nguyễn Bích	Ngân	01	06	2000	Cà Mau	Phước Kiên	Tin học	6	9	8.5	Khá
610	805039	23	Nguyễn Lý Diễm	Ngân	09	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	10	9.0	Giỏi
611	805040	23	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	09	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	3	9.5	8.0	Tbình
612	805041	23	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	20	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	10	9.5	Giỏi
613	805042	23	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	17	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
614	805043	23	Phạm Trần Kim	Ngân	17	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.25	8	7.5	Khá
615	805044	23	Phùng Như Kim	Ngân	16	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
616	805045	23	Trần Thanh Thảo	Ngân	07	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
617	805046	23	Trần Thị Bích	Ngân	30	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	4.25	9	8.0	Tbình
618	805047	23	Trần Thị Tuyết	Ngân	09	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.25	8.5	7.5	Khá
619	805048	23	Lê Huỳnh Tâm	Nghi	07	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.25	10	9.0	Giỏi
620	805049	23	Nguyễn Huỳnh Hạnh	Nghi	27	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.5	9	8.5	Khá
621	805050	23	Thái Ngọc Phương	Nghi	18	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	3.25	9.5	8.0	Tbình
622	805051	23	Bùi Hiếu	Nghĩa	27	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	9.5	9.0	Giỏi
623	805052	23	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	22	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.75	8	7.5	Khá
624	805053	23	Nguyễn Trung	Nghĩa	24	06	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.25	9	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
625	805054	23	Phạm Hữu Nghĩa		02	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.25	10	9.0	Giỏi
626	805055	23	Phan Mạnh Trung	Nghĩa	23	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	10	9.5	Giỏi
627	805056	23	Phạm Xuân	Nghiêm	01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	9.5	9.0	Giỏi
628	805057	23	Nguyễn Thị Phương	Ngoan	08	03	1999	Trà Vinh	Phước Kiển	Tin học	6	9	8.5	Khá
629	805058	24	Đinh Thị Kim	Ngọc	03	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.25	4	4.0	Hồng
630	805059	24	Huỳnh Thị Yến	Ngọc	29	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.25	8	7.0	T bình
631	805060	24	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	22	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3.75	9	7.5	T bình
632	805061	24	Nguyễn Thị Thanh	Nguyễn	17	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7.75	9	8.5	Khá
633	805062	24	Nguyễn Trung	Nguyễn	05	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.5	9	8.5	Khá
634	805063	24	Thái Thị Thu	Nguyệt	18	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.75	8.5	7.5	T bình
635	805064	24	Mai Thị	Nhài	01	04	2000	Thanh Hóa	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
636	805065	24	Huỳnh Trung	Nhân	21	08	2000	Vĩnh Long	Phước Kiển	Tin học	5.5	7.5	7.0	Khá
637	805066	24	Nguyễn Dương Thanh	Nhân	01	01	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	v	v		
638	805067	24	Nguyễn Thành	Nhân	07	08	2000	Cần Thơ	Phước Kiển	Tin học	7.75	9	8.5	Khá
639	805068	24	Nguyễn Văn	Nhân	12	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
640	805069	24	Võ Đỗ Chí	Nhân	07	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	8	7.5	Khá
641	805070	24	Nguyễn Minh	Nhật	01	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	10	9.5	Giỏi
642	805071	24	Trần Minh	Nhật	26	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7.5	10	9.5	Giỏi
643	805072	24	Trần Thanh	Nhật	02	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	10	9.5	Giỏi
644	805073	24	Vũ Minh	Nhật	27	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	10	9.5	Giỏi
645	805074	24	Hồ Thị Yến	Nhi	08	07	2000	Bến Tre	Phước Kiển	Tin học	6	9	8.5	Khá
646	805075	24	Huỳnh Thị Quỳnh	Nhi	17	08	2000	Bến Tre	Phước Kiển	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
647	805076	24	Huỳnh Thị Thanh	Nhi	20	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3	9	7.5	T bình
648	805077	24	Ngô Yến	Nhi	22	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
649	805078	24	Nguyễn Huỳnh Tuyết	Nhi	24	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4	9	8.0	T bình
650	805079	24	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	29	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.5	9	8.0	T bình
651	805080	24	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	07	01	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	9	8.5	Khá
652	805081	24	Nguyễn Thụy Yến	Nhi	01	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	9	8.0	Khá
653	805082	24	Nguyễn Yến	Nhi	09	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
654	805083	24	Phó Đoàn Yến	Nhi	24	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.5	10	9.0	Giỏi
655	805084	24	Trần Thị Tuyết	Nhi	20	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.25	10	9.0	Giỏi
656	805085	24	Phạm Thị Kiều	Nhung	30	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3.5	10	8.5	T bình
657	805086	25	Phạm Thị Ngọc	Nhung	19	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3	10	8.5	T bình
658	805087	25	Phan Lê Hồng	Nhung	16	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	10	9.0	Giỏi
659	805088	25	Lê Huỳnh	Như	21	01	2000	Bến Tre	Dương Văn Dương	Tin học	6	10	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
660	805089	25	Nguyễn Đoàn Ánh	Như	14	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	8.25	10	9.5	Giỏi
661	805090	25	Nguyễn Nguyễn Hoài	Như	02	06	2000	Đồng Nai	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	8	7.5	Khá
662	805091	25	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	28	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.5	8	7.0	Tbình
663	805092	25	Phạm Thị Huỳnh	Như	15	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
664	805093	25	Thái Ngọc Tâm	Như	27	10	2000	Long An	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
665	805094	25	Trần Ngô Thanh	Như	16	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	8	7.5	Khá
666	805095	25	Trần Thị Huỳnh	Như	10	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	8	7.5	Khá
667	805096	25	Trần Quang	Nhựt	10	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.5	6	5.5	Tbình
668	805097	25	Ru Ha	Ni	19	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	6	6.0	Tbình
669	805098	25	Hồ Thị Ngọc	Oanh	11	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	6	6.0	Tbình
670	805099	25	Hồ Thị Yến	Oanh	19	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7	6	6.5	Tbình
671	805100	25	Huỳnh Thị Kiều	Oanh	10	06	2000	An Giang	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	10	9.5	Giỏi
672	805101	25	Nguyễn Kim	Oanh	06	06	2000	Long An	Phước Kiển	Tin học	5.5	9.5	8.5	Khá
673	805102	25	Huỳnh Quốc	Phát	14	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	8.5	8.0	Khá
674	805103	25	Lâm Tiến	Phát	12	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3.75	8	7.0	Tbình
675	805104	25	Nguyễn Hồng	Phát	05	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
676	805105	25	Nguyễn Hồng	Phát	11	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7	10	9.5	Giỏi
677	805106	25	Phan Lý Hồng	Phát	02	07	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
678	805107	25	Võ Trần	Phát	10	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
679	805108	25	Lê Hoàng	Phi	02	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	v	v		
680	805109	25	Nguyễn Nhật	Phi	07	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	10	9.5	Giỏi
681	805110	25	Nguyễn Xuân	Phong	17	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.25	10	9.0	Giỏi
682	805111	25	Phạm Thanh	Phong	11	02	2000	Long An	Phước Kiển	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
683	805112	25	Trịnh Đình	Phong	20	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	10	9.0	Giỏi
684	805113	25	Võ Thanh	Phong	30	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	8	8.5	8.5	Khá
685	805114	26	Nguyễn Minh	Phú	01	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	10	9.0	Giỏi
686	805115	26	Nguyễn Thiên	Phú	08	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3.5	8.5	7.5	Tbình
687	805116	26	Cao Thiện	Phúc	20	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
688	805117	26	Đặng Huỳnh	Phúc	28	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7.25	10	9.5	Giỏi
689	805118	26	Lê Hoàng	Phúc	09	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.75	8	8.0	Khá
690	805119	26	Mai Lâm Minh	Phúc	18	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4	10	8.5	Tbình
691	805120	26	Nguyễn Gia	Phúc	27	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	10	9.5	Giỏi
692	805121	26	Nguyễn Hoàng	Phúc	08	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	9	8.5	Khá
693	805122	26	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	18	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.75	9	8.0	Tbình
694	805123	26	Nguyễn Văn	Phúc	30	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	9	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
695	805124	26	Trần Hoàng Phúc		20	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	3.75	9	7.5	Tbình
696	805125	26	Trần Ngọc Phúc		25	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
697	805126	26	Nguyễn Hoàng Kim Phụng		13	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	10	9.0	Giỏi
698	805127	26	Nguyễn Thành Phụng		11	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	9.5	9.0	Giỏi
699	805128	26	Chu Như Phương		17	09	2000	Thanh Hóa	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	9.5	9.0	Giỏi
700	805129	26	Đỗ Hà Phương		02	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9.5	8.5	Khá
701	805130	26	Hồ Ân Hoài Phương		07	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	10	9.0	Giỏi
702	805131	26	Phạm Thị Phương		25	05	2000	Thanh Hóa	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
703	805132	26	Trần Huỳnh Phương		25	06	2000	Bến Tre	Phước Kiển	Tin học	6	9.5	8.5	Khá
704	805133	26	Trương Thanh Phương		24	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.5	10	8.5	Tbình
705	805134	26	Dương Thị Phương		20	07	2000	Hải Dương	Phước Kiển	Tin học	4.25	9.5	8.0	Tbình
706	805135	26	Lê Thị Hồng Phương		25	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
707	805136	26	Nguyễn Dương Kỳ Quan		07	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	9.5	8.5	Khá
708	805137	26	Nguyễn Minh Quang		11	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8.25	10	9.5	Giỏi
709	805138	26	Phạm Tấn Quang		12	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	3	10	8.5	Tbình
710	805139	26	Thạch Thanh Quang		09	10	1999	Trà Vinh	Phước Kiển	Tin học	5	10	9.0	Giỏi
711	805140	26	Trần Hữu Quang		20	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.25	10	9.0	Giỏi
712	805141	26	Trần Thái Quang		07	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	10	9.0	Giỏi
713	805142	27	Lê Châu Quân		17	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	8.5	8.0	Khá
714	805143	27	Nguyễn Đỗ Đăng Quân		15	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	9	8.5	Khá
715	805144	27	Trần Trung Quân		01	01	1999	Đồng Nai	Dương Văn Dương	Tin học	6	8.5	8.0	Khá
716	805145	27	Trần Việt Quân		03	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	7.5	7.0	Khá
717	805146	27	Trần Quang Quý		06	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	8.5	8.0	Khá
718	805147	27	Muhammad Sana Quy		02	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4	8.5	7.5	Tbình
719	805148	27	Huỳnh Minh Quý		21	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7	8.5	8.0	Khá
720	805149	27	Nguyễn Văn Quý		18	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7.75	9	8.5	Khá
721	805150	27	Trịnh Tranh Quyết		22	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	9.5	8.5	Khá
722	805151	27	Lê Nguyễn Nhật Quỳnh		14	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	8	7.5	Khá
723	805152	27	Huỳnh Phước Sang		11	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.75	9.5	9.0	Giỏi
724	805153	27	Lâm Hoàng Sang		08	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8.25	9.5	9.0	Giỏi
725	805154	27	Lê Vò Ngọc Sang		15	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.5	9	8.5	Khá
726	805155	27	Lê Hoàng Sơn		17	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	2.75	9	7.5	Hổng
727	805156	27	Nguyễn Hoàng Sơn		21	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	7.5	7.0	Khá
728	805157	27	Nguyễn Hữu Sơn		10	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	7.5	7.0	Khá
729	805158	27	Nguyễn Tấn Hoàng Sơn		07	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
730	805159	27	Trần Thanh Sơn	23	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7.25	8.5	8.0	Khá
731	805160	27	Nguyễn Tuyết Sương	25	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7	9	8.5	Khá
732	805161	27	Cao Tài	13	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.25	9	8.0	Tbình
733	805162	27	Đỗ Thành Tài	25	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	7.5	7.0	Khá
734	805163	27	Lương Tấn Tài	07	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	7.5	7.0	Khá
735	805164	27	Lưu Châu Chí Tài	30	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8	8	8.0	Khá
736	805165	27	Võ Tấn Tài	04	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	8	7	7.5	Khá
737	805166	27	Đặng Phước Tâm	31	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
738	805167	27	Nguyễn Hồng Tâm	10	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	9.5	8.5	Khá
739	805168	27	Nguyễn Phúc Minh Tâm	06	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	8.5	8.0	Khá
740	805169	27	Trần Linh Tâm	17	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
741	805170	28	Trần Thanh Tâm	14	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
742	805171	28	Bùi Minh Tân	24	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
743	805172	28	Ngô Thanh Tân	24	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	10	9.0	Giỏi
744	805173	28	Nguyễn Minh Tân	13	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
745	805174	28	Nguyễn Nhật Tân	10	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	8	7.5	Khá
746	805175	28	Nguyễn Thái Tân	15	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.5	9	8.5	Khá
747	805176	28	Bùi Hữu Tấn	18	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	6	6.0	Tbình
748	805177	28	Lê Chí Tấn	23	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3.5	9	7.5	Tbình
749	805178	28	Nguyễn Thanh Tấn	22	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8	7.5	7.5	Khá
750	805179	28	Giang Cẩm Thái	29	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6	7	7.0	Khá
751	805180	28	Nguyễn Quốc Thái	17	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	7.5	7.5	Khá
752	805181	28	Huỳnh Ngọc Thanh	26	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	7	6.5	Tbình
753	805182	28	Lê Hoài Thanh	05	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	8.5	8.0	Khá
754	805183	28	Lê Thị Phương Thanh	27	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	v	v		
755	805184	28	Lê Tuấn Thanh	01	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
756	805185	28	Nguyễn Thị Hồng Thanh	12	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8.25	10	9.5	Giỏi
757	805186	28	Phạm Chí Thanh	19	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
758	805187	28	Phạm Đan Thanh	20	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	8	7.5	Khá
759	805188	28	Phan Trí Thanh	05	05	2000	Tiền Giang	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
760	805189	28	Lê Nguyễn Hậu Thành	17	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4	9	8.0	Tbình
761	805190	28	Nguyễn Trần Sỹ Thành	19	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.75	10	9.5	Giỏi
762	805191	28	Tạ Minh Thành	28	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
763	805192	28	Trần Văn Thành	02	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
764	805193	28	Nguyễn Văn Thạnh	01	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.25	9	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
765	805194	28	Hồ Thanh	Thảo	21	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
766	805195	28	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	11	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	7	9	8.5	Khá
767	805196	28	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
768	805197	28	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
769	805198	29	Phạm Phương	Thảo	06	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.25	9	8.0	T bình
770	805199	29	Trần Thị Phương	Thảo	16	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
771	805200	29	Phạm Như Hồng	Thắm	31	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
772	805201	29	Huỳnh Phạm Ngọc	Thắng	29	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	6	9	8.5	Khá
773	805202	29	Lê Quốc	Thắng	18	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	3.25	10	8.5	T bình
774	805203	29	Trần Thiên	Thắng	28	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	10	9.5	Giỏi
775	805204	29	Võ Hoàng	Thắng	28	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	6.25	9	8.5	Khá
776	805205	29	Võ Việt	Thắng	23	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5	9	8.0	Khá
777	805206	29	Đỗ Huệ	Thị	03	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	7.5	10	9.5	Giỏi
778	805207	29	Trần Lê	Thiện	21	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
779	805208	29	Trần Minh	Thiện	17	01	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	8.5	8.0	Khá
780	805209	29	Trình Minh	Thiện	28	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	7.5	10	9.5	Giỏi
781	805210	29	Võ Minh	Thiện	03	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.5	10	9.0	Giỏi
782	805211	29	Đàm Trường	Thịnh	26	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
783	805212	29	Nguyễn Phúc	Thịnh	14	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	10	9.5	Giỏi
784	805213	29	Nguyễn Trần Hiệp	Thịnh	12	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5	v		
785	805214	29	Phạm Đăng	Thịnh	03	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
786	805215	29	Trần Minh	Thịnh	26	07	2000	Quảng Ngãi	Dương Văn Dương	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
787	805216	29	Trần Trường	Thịnh	23	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	10	9.0	Giỏi
788	805217	29	Trần Ngọc	Thoại	28	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
789	805218	29	Trương Hồ Thanh	Thoại	07	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5	8	7.5	Khá
790	805219	29	Nguyễn Châu Đình	Thông	08	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
791	805220	29	Trần Nguyễn Minh	Thơ	01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	4.25	10	8.5	T bình
792	805221	29	Bùi Hải Hòa	Thuận	01	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	10	9.0	Giỏi
793	805222	29	Hồ Minh	Thuận	06	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	7.5	10	9.5	Giỏi
794	805223	29	Lê Thanh	Thuận	27	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8.25	10	9.5	Giỏi
795	805224	29	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	14	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	7.75	10	9.5	Giỏi
796	805225	29	Lê Thị Thanh	Thúy	11	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.75	10	8.5	T bình
797	805226	30	Lê Thị Thanh	Thúy	17	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	3.5	9	7.5	T bình
798	805227	30	Nguyễn Thanh	Thúy	24	06	2000	Tiền Giang	Phước Kiên	Tin học	4.5	9	8.0	T bình
799	805228	30	Lê Thị Thu	Thúy	02	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	9	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
800	805229	30	Lê Thị Thu Thủy	17	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
801	805230	30	Nguyễn Thị Lệ Thủy	16	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	9	8.0	Khá
802	805231	30	Nguyễn Thị Thu Thủy	01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	v	v		
803	805232	30	Trần Thị Thanh Thủy	22	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.75	9	8.0	Tbình
804	805233	30	Đặng Thị Quỳnh Thư	10	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	3	9	7.5	Tbình
805	805234	30	Đỗ Anh Thư	15	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.5	9	8.5	Khá
806	805235	30	Nguyễn Anh Thư	01	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.75	9	8.5	Khá
807	805236	30	Nguyễn Quang Thư	26	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
808	805237	30	Võ Thị Anh Thư	09	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
809	805238	30	Nguyễn Ngọc Anh Thy	30	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
810	805239	30	Phạm Thái Nhật Thy	20	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
811	805240	30	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	08	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
812	805241	30	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	01	10	1997	Sóc Trăng	Phước Kiển	Tin học	6	9	8.5	Khá
813	805242	30	Trần Nguyễn Thủy Tiên	30	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	9	8.0	Khá
814	805243	30	Lê Mạnh Tiến	08	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
815	805244	30	Nguyễn Hoàng Tân Tiến	01	10	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	8.5	7.5	Khá
816	805245	30	Nguyễn Nhật Tiến	01	02	1997	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.25	9	8.0	Tbình
817	805246	30	Quản Duy Tiến	12	01	2000	Hải Phòng	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
818	805247	30	Lê Trung Tín	23	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
819	805248	30	Phạm Hữu Tính	22	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
820	805249	30	Nguyễn Duy Toán	26	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.5	8.5	7.5	Tbình
821	805250	30	Phan Văn Toán	20	12	2000	Hà Nam	Phước Kiển	Tin học	6.75	8	7.5	Khá
822	805251	30	Bùi Nguyễn Kim Toàn	01	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	7	6.5	Tbình
823	805252	30	Trần Anh Toàn	19	03	2000	Long An	Phước Kiển	Tin học	6.75	8	7.5	Khá
824	805253	30	Đặng Thị Ngọc Trang	27	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5	9.5	8.5	Khá
825	805254	31	Đỗ Thị Thu Trang	06	08	2000	Bắc Ninh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	9	8.5	Khá
826	805255	31	Hà Thị Thu Trang	11	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	8.5	8.0	Khá
827	805256	31	Hà Thị Thủy Trang	01	06	1999	Thanh Hóa	Phước Kiển	Tin học	6.25	9.5	8.5	Khá
828	805257	31	Lê Thị Thủy Trang	29	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.25	9	8.0	Tbình
829	805258	31	Nguyễn Ngọc Thuỳ Trang	29	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
830	805259	31	Nguyễn Phạm Thuỳ Trang	15	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
831	805260	31	Nguyễn Sơn Ngọc Trang	09	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.5	9	8.0	Tbình
832	805261	31	Nguyễn Thị Trang	17	03	2000	Bắc Giang	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
833	805262	31	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	22	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.75	9.5	8.5	Tbình
834	805263	31	Nguyễn Thị Thùy Trang	07	02	2000	Kiên Giang	Phước Kiển	Tin học	5.25	8.5	7.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
835	805264	31	Trần Thị Phương Trang	05	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
836	805265	31	Nguyễn Thị Tiết Trắng	15	10	2000	Phú Yên	Phước Kiên	Tin học	4.5	9.5	8.5	Tbình
837	805266	31	Dương Thị Thanh Trâm	03	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	9	8.0	Khá
838	805267	31	Lê Thị Ngọc Trâm	23	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
839	805268	31	Nguyễn Hoàng Phương Trâm	25	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	4.75	7	6.5	Tbình
840	805269	31	Trần Phạm Quế Trân	18	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	8.5	8.0	Khá
841	805270	31	Nguyễn Huỳnh Minh Trí	26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	8.5	8.0	Khá
842	805271	31	Nguyễn Hoàng Minh Triết	25	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	6	7.5	7.0	Khá
843	805272	31	Bùi Ngọc Phương Trinh	15	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.5	7.5	7.0	Khá
844	805273	31	Hồ Thị Ngọc Trinh	24	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	9	8.5	Khá
845	805274	31	Huỳnh Thị Mỹ Trinh	22	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	4.25	3	3.5	Hồng
846	805275	31	Nguyễn Thị Tú Trinh	27	10	1999	Bạc Liêu	Phước Kiên	Tin học	7.5	3	4.0	Hồng
847	805276	31	Trần Thị Nguyên Trinh	27	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5	5	5.0	Tbình
848	805277	31	Đoàn Thụy Kim Trúc	17	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	6	5	5.5	Tbình
849	805278	31	Nguyễn Thị Thanh Trúc	02	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	4	4	4.0	Hồng
850	805279	31	Phạm Huỳnh Thanh Trúc	26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	7.5	7.5	Khá
851	805280	31	Lại Minh Trung	27	11	2000	Hải Phòng	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
852	805281	31	Nguyễn Chí Trung	14	04	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
853	805282	32	Nguyễn Phước Trung	20	10	2000	Đồng Nai	Phước Kiên	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
854	805283	32	Nguyễn Tuấn Trung	16	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
855	805284	32	Nguyễn Việt Trung	12	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	3.75	9	7.5	Tbình
856	805285	32	Trương Tấn Trung	04	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.5	10	9.0	Giỏi
857	805286	32	Nguyễn Trung Trục	12	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.5	10	8.5	Tbình
858	805287	32	Bùi Minh Trường	07	10	2000	Long An	Phước Kiên	Tin học	4.5	10	8.5	Tbình
859	805288	32	Lại Minh Trường	31	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	5.75	5	5.0	Tbình
860	805289	32	Võ Nhật Trường	19	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
861	805290	32	Châu Minh Tú	13	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	9	8.5	Khá
862	805291	32	Đào Hồng Tú	06	09	2000	Ninh Bình	Dương Văn Dương	Tin học	6.25	9.5	8.5	Khá
863	805292	32	Lê Minh Tú	01	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
864	805293	32	Tô Thanh Tú	23	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.25	9	8.0	Khá
865	805294	32	Đoàn Khanh Châu Tuấn	23	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	9	8.0	Khá
866	805295	32	Lâm Quốc Tuấn	17	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiên	Tin học	4.5	9	8.0	Tbình
867	805296	32	Lê Thanh Tuấn	01	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	8	7.5	Khá
868	805297	32	Nguyễn Mạnh Tuấn	08	03	2000	Thái Bình	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
869	805298	32	Nguyễn Thanh Tuấn	20	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	8	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
870	805299	32	Nguyễn Thanh Tuấn	01	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
871	805300	32	Phạm Thanh Tuấn	08	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	v	v		
872	805301	32	Trần Minh Tuấn	29	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.75	8.5	8.5	Khá
873	805302	32	Trương Công Tuấn	21	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	8.5	8.0	Khá
874	805303	32	Trương Thanh Tuấn	10	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7.25	8.5	8.0	Khá
875	805304	32	Nguyễn Thanh Tùng	31	10	2000	Thái Bình	Dương Văn Dương	Tin học	6.25	9	8.5	Khá
876	805305	32	Dương Nguyễn Bảo Tuyền	26	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9	8.5	Khá
877	805306	32	Nguyễn Thị Ánh Tuyền	26	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.25	5	5.5	Tbình
878	805307	32	Trần Thị Ngọc Tuyền	23	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
879	805308	32	Võ Thị Mộng Tuyền	24	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.5	7	7.0	Khá
880	805309	32	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	28	11	2000	Vĩnh Long	Phước Kiển	Tin học	4	3	3.5	Hồng
881	805310	33	Hồ Nhật Mỹ Uyên	05	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	8.5	7.5	Khá
882	805311	33	Huỳnh Bảo Tú Uyên	22	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	8	7.5	Khá
883	805312	33	Lê Hoàng Phương Uyên	29	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.25	8	7.5	Khá
884	805313	33	Lê Phương Uyên	18	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
885	805314	33	Ngô Thanh Uyên	31	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.75	7.5	7.0	Tbình
886	805315	33	Phan Trần Phương Uyên	14	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6.75	8	7.5	Khá
887	805316	33	Huỳnh Thị Tuyết Vân	28	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	7	8.5	8.0	Khá
888	805317	33	Nguyễn Thị Thu Vân	03	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.25	8	7.5	Khá
889	805318	33	Bùi Thanh Vi	25	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
890	805319	33	Châu Tường Vi	22	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.75	10	8.5	Tbình
891	805320	33	Hồ Nguyễn Thúy Vi	28	03	2000	Bến Tre	Dương Văn Dương	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
892	805321	33	Hoàng Thế Việt	13	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	8	7.5	Khá
893	805322	33	Trần Thanh Việt	25	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	7.5	7.0	Khá
894	805323	33	Nguyễn Hoàng Nhật Vinh	03	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4	7.5	6.5	Tbình
895	805324	33	Phạm Hồng Vinh	17	08	2000	Bạc Liêu	Phước Kiển	Tin học	6.25	7.5	7.0	Khá
896	805325	33	Phạm Ngọc Vũ	22	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	7.25	7.5	7.5	Khá
897	805326	33	Dư Thanh Vũ	04	05	2000	Cà Mau	Phước Kiển	Tin học	6	7.5	7.0	Khá
898	805327	33	Đinh Thành Vũ	07	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	2.75	7.5	6.5	Hồng
899	805328	33	Mưu Văn Vũ	07	01	2000	Thái Nguyên	Phước Kiển	Tin học	5.5	7	6.5	Tbình
900	805329	33	Ngô Thanh Vũ	10	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	v	v		
901	805330	33	Nguyễn Hoàng Vũ	27	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.5	7	6.5	Tbình
902	805331	33	Nguyễn Tuấn Vũ	16	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	7	6.5	Tbình
903	805332	33	Nguyễn Văn Thanh Vũ	30	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	4.5	7.5	7.0	Tbình
904	805333	33	Dương Thảo Vy	14	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.25	9	8.0	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
905	805334	33	Đặng Ngọc Thúy Vy	14	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
906	805335	33	Huỳnh Phan Tường Vy	15	04	2000	Đà Nẵng	Phước Kiển	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
907	805336	33	Lê Phương Thảo Vy	14	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	8.25	9	9.0	Giỏi
908	805337	33	Nguyễn Thị Thúy Vy	20	10	2000	Long An	Dương Văn Dương	Tin học	7.5	9	8.5	Khá
909	805338	34	Nguyễn Thụy Tường Vy	04	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.5	10	9.0	Giỏi
910	805339	34	Phạm Nguyễn Phương Vy	23	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Kiển	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
911	805340	34	Nguyễn Thanh Xuân	22	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	6	9.5	8.5	Khá
912	805341	34	Hà Nguyễn Như Ý	26	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5	10	9.0	Giỏi
913	805342	34	Trần Thị Như Ý	23	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	4.75	9.5	8.5	Tbình
914	805343	34	Trùy Thị Như Ý	21	11	2000	Sóc Trăng	Phước Kiển	Tin học	3.5	9	7.5	Tbình
915	805344	34	Nguyễn Thị Ngọc Yên	02	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Văn Dương	Tin học	5.75	8	7.5	Khá

DUYỆT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

TỔNG KẾT

Tổng số thí sinh trong danh sách:	915
- Số thí sinh dự thi:	878
- Số thí sinh vắng:	37
- Số thí sinh hỏng:	37
- Số thí sinh đạt:	
+ Xếp loại Giỏi:	226
+ Xếp loại Khá:	367
+ Xếp loại Tbình:	248

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Bảo Quốc